

CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MOFFER
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GIẢI PHÁP MOFFER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MOFFER SOLUTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MOFFER SOLUTION CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110440606

3. Ngày thành lập: 07/08/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 12 Ngách 409/40 Phố Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0346062525

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
2.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
3.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu	4659
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: - Bán buôn sắt, thép	4662

7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: - Bán buôn đồ ngũ kim - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4663
8.	Dịch vụ đóng gói	8292
9.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Trừ loại Nhà nước cấm)	8299
10.	Lập trình máy vi tính	6201
11.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
12.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
13.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
14.	Cổng thông tin (Loại trừ hoạt động báo chí)	6312
15.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6399
16.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
17.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
18.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
19.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
20.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
21.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nhân văn	7222
22.	Quảng cáo	7310
23.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
25.	Hoạt động nhiếp ảnh	7420
26.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu (Loại trừ Hoạt động của những nhà báo độc lập; Thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng; Tư vấn chứng khoán)	7490
27.	Bán buôn tổng hợp	4690
28.	Sản xuất sợi	1311

29.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
30.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
31.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
32.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
33.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
34.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
35.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
36.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
37.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
38.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
39.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
40.	Sản xuất giày, dép	1520
41.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
42.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
43.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
44.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
45.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
46.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
47.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
48.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
49.	In ấn	1811
50.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
51.	Sao chép bản ghi các loại	1820
52.	Sản xuất than cốc	1910
53.	Sản xuất sản phẩm dầu mỏ tinh chế	1920
54.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
55.	Sản xuất sẫm, lớp cao su; đắp và tái chế lớp cao su	2211
56.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
57.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
58.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
59.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu	2420
60.	Đúc sắt, thép	2431
61.	Đúc kim loại màu	2432
62.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
63.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
64.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
65.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591

66.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592(Chính)
67.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
68.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
69.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
70.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
71.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
72.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
73.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
74.	Sản xuất đồng hồ	2652
75.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
76.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
77.	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
78.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
79.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
80.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
81.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
82.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
83.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
84.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
85.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
86.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
87.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
88.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
89.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
90.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
91.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
92.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
93.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
94.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
95.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
96.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
97.	Sản xuất máy luyện kim	2823
98.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
99.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825

100.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
101.	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: - Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng - Sản xuất máy chuyên dụng khác chưa được phân vào đâu	2829
102.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930
103.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
104.	Cơ sở lưu trú khác	5590
105.	Xuất bản phần mềm (Loại trừ xuất bản phẩm)	5820
106.	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5911
107.	Hoạt động hậu kỳ	5912
108.	Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình	5913
109.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
110.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
111.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
112.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
113.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
114.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
115.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
116.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
117.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
118.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
119.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
120.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
121.	Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện.	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HÀ VĂN LONG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 22/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033091001757

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Địa chỉ thường trú: Thôn Nhuệ Giang, Xã Đào Dương, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nhuệ Giang, Xã Đào Dương, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: HÀ VĂN LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/09/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 033091001757

Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Nhuệ Giang, Xã Đào Dương, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Nhuệ Giang, Xã Đào Dương, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội